

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt quy trình nội bộ, quy trình điện tử thực hiện thủ tục hành chính được ban hành mới, được sửa đổi, và bị bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Đồng Nai**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/04/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Văn phòng Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/04/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Quyết định số 669/QĐ-UBND ngày 02/03/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai về việc công bố thủ tục hành chính được ban hành mới; được sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND cấp huyện, UBND cấp xã tỉnh Đồng Nai;*

*Căn cứ Quyết định số 1907/QĐ-UBND ngày 08/6/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt quy trình nội bộ, quy trình điện tử thực hiện thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND cấp huyện, UBND cấp xã tỉnh Đồng Nai;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 821/TTr-SNN ngày 05 tháng 3 năm 2021.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này quy trình nội bộ, quy trình điện tử thực hiện thủ tục hành chính được ban hành mới, được sửa đổi và bị bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Cụ thể như sau:

**1. Cấp tỉnh:**

- Ban hành mới 12 quy trình điện tử;
- Sửa đổi 07 quy trình điện tử (quy trình điện tử số 27, 28 - Mục II. Lĩnh vực kiểm lâm; quy trình điện tử số 84, 85, 86 - Mục VI. Lĩnh vực quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản; quy trình điện tử số 95, 96 - Mục VII. Lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật) đã được ban hành tại Quyết định số 1907/QĐ-

UBND ngày 08/6/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt quy trình nội bộ, quy trình điện tử thực hiện thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND cấp huyện, UBND cấp xã tỉnh Đồng Nai.

- Bãi bỏ 15 quy trình điện tử cấp tỉnh (*quy trình điện tử số 20, 21, 22, 23 - Mục I. Lĩnh vực chăn nuôi và thú y; quy trình điện tử số 77 - Mục V. Lĩnh vực phát triển nông thôn; quy trình điện tử số 93, 94, 97, 98, 99, 100, 101, 102, 103, 104 - Mục VII. Lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật*) đã được ban hành tại Quyết định số 1907/QĐ-UBND ngày 08/6/2020, Văn bản số 11752/UBND-HCC ngày 02/10/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt quy trình nội bộ, quy trình điện tử thực hiện thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND cấp huyện, UBND cấp xã tỉnh Đồng Nai.

## 2. Cấp huyện:

- Ban hành mới 01 quy trình điện tử cấp huyện;

- Bãi bỏ 03 quy trình điện tử cấp huyện (*quy trình điện tử số 15, 16, 17 - Mục IV. Lĩnh vực phát triển nông thôn*) đã được ban hành tại Quyết định số 1907/QĐ-UBND ngày 08/6/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt quy trình nội bộ, quy trình điện tử thực hiện thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND cấp huyện, UBND cấp xã tỉnh Đồng Nai.

## 3. Cấp xã:

- Ban hành mới 01 quy trình điện tử cấp xã.

(*Danh mục và quy trình đính kèm*).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký; các nội dung khác tại Quyết định số 1907/QĐ-UBND ngày 08/6/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh vẫn giữ nguyên giá trị pháp lý.

Giao Sở Thông tin và truyền thông phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cập nhật quy trình (lưu đồ) thực hiện thủ tục hành chính đã được công bố lên phần mềm một cửa điện tử của tỉnh (Egov).

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thông tin và Truyền thông; Trung tâm Hành chính công tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố Long Khánh, thành phố Biên Hòa; Chủ tịch UBND cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

### Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm soát thủ tục hành chính (VPCP);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh, Phó Chánh VP.UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX, KTN, HCC, CTTĐT.



Cao Tiên Dũng



**Phụ lục**

**QUY TRÌNH NỘI BỘ, QUY TRÌNH ĐIỆN TỬ THỰC HIỆN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA NGÀNH NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN, UBND CẤP HUYỆN, UBND CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 122/QĐ-UBND ngày 06/4/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

**Phần I**

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

**A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH**

STT	Tên thủ tục hành chính	Quy trình	
		Nội bộ	Điện tử
<b>1.</b>	<b>Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành</b>		
<b>I.</b>	<b>Lĩnh vực Chăn nuôi</b>		
1.	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi thương mại, thức ăn chăn nuôi theo đặt hàng		X
2.	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi thương mại, thức ăn chăn nuôi theo đặt hàng		X
3.	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn		X
4.	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn		X
<b>II.</b>	<b>Lĩnh vực Bảo vệ thực vật</b>		
5.	Xác nhận nội dung quảng cáo phân bón		X
<b>III.</b>	<b>Lĩnh vực Trồng trọt</b>		
6.	Cấp quyết định, phục hồi quyết định công nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng, cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm nhân giống bằng phương pháp vô tính.		X
<b>IV.</b>	<b>Lĩnh vực Thủy sản</b>		
7.	Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn từ hai huyện trở lên)		X
8.	Sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn từ hai huyện trở lên)		X
9.	Công bố mở cảng cá loại 2		X

<b>V.</b>	<b>Lĩnh vực Lâm nghiệp</b>		
10.	Phân loại doanh nghiệp chế biến và xuất khẩu gỗ	x	
<b>VI.</b>	<b>Lĩnh vực phòng chống thiên tai</b>		
11.	Phê duyệt việc tiếp nhận viện trợ quốc tế khẩn cấp để cứu trợ thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương		x
12.	Phê duyệt Văn kiện viện trợ quốc tế khẩn cấp để khắc phục hậu quả thiên tai không thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương tiếp nhận của Thủ tướng Chính phủ		x
13.	Điều chỉnh Văn kiện viện trợ quốc tế khẩn cấp để khắc phục hậu quả thiên tai không thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương tiếp nhận của Thủ tướng Chính phủ.		x
<b>2</b>	<b>Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung</b>		
<b>I.</b>	<b>Lĩnh vực Bảo vệ thực vật</b>		
1.	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón		x
2.	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón		x
<b>II.</b>	<b>Lĩnh vực Lâm nghiệp</b>		
3.	Phê duyệt, điều chỉnh, thiết kế dự toán công trình lâm sinh (đối với công trình lâm sinh thuộc dự án do Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định đầu tư) <i>(Tên cũ: Điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm sinh (đối với công trình lâm sinh thuộc dự án do Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định đầu tư))</i>		x
4.	Thẩm định, phê duyệt phương án trồng rừng thay thế diện tích rừng chuyển sang mục đích khác <i>(Tên cũ: Thẩm định và phê duyệt phương án trồng rừng mới thay thế diện tích rừng chuyển sang sử dụng cho mục đích khác)</i>		x
<b>III.</b>	<b>Lĩnh vực Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản</b>		
5.	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản		x
6.	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản (trường hợp trước 06 tháng tính đến ngày Giấy chứng nhận ATTP hết hạn)		x
7.	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản (trường hợp Giấy chứng nhận ATTP vẫn còn thời hạn hiệu lực nhưng bị		x

	mất, bị hỏng, thất lạc, hoặc có sự thay đổi, bổ sung thông tin trên Giấy chứng nhận ATTP)		
<b>3</b>	<b>Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ</b>		
<b>I.</b>	<b>Lĩnh vực Trồng trọt và Bảo vệ thực vật</b>		
1.	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón đối với cơ sở chỉ hoạt động đóng gói phân bón		X
2.	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón đối với cơ sở chỉ hoạt động đóng gói phân bón		X
3.	Xác nhận nội dung quảng cáo và đăng ký hội thảo phân bón		X
4.	Công nhận cây đầu dòng cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm		X
5.	Công nhận vườn cây đầu dòng, cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm		X
6.	Cấp lại giấy công nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng, cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm		X
7.	Cấp giấy xác nhận kiến thức an toàn thực phẩm trong sản xuất, sơ chế rau, quả		X
8.	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm trong sản xuất, sơ chế rau, quả		X
9.	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản (trường hợp trước 06 tháng tính đến ngày Giấy chứng nhận ATTP hết hạn)		X
10.	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản (trường hợp Giấy chứng nhận ATTP vẫn còn thời hạn hiệu lực nhưng bị mất, bị hỏng, thất lạc, hoặc có sự thay đổi, bổ sung thông tin trên Giấy chứng nhận ATTP)		X
<b>II.</b>	<b>Lĩnh vực Phát triển nông thôn</b>		
11.	Thẩm định, phê duyệt quy hoạch chi tiết điểm tái định cư		X
<b>III.</b>	<b>Lĩnh vực Chăn nuôi và Thú y</b>		
12.	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở giết mổ tập trung, cơ sở sản xuất ban đầu thực phẩm có nguồn gốc động vật trên cạn do UBND tỉnh cấp phép.		X
13.	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở giết mổ tập trung, cơ sở sản xuất ban đầu thực phẩm có nguồn gốc động vật trên cạn (Trường hợp trước 06 tháng tính đến ngày Giấy chứng nhận ATTP hết hạn).		X

14.	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở giết mổ tập trung, cơ sở sản xuất ban đầu thực phẩm có nguồn gốc động vật trên cạn (trường hợp giấy chứng nhận vẫn còn thời hạn hiệu lực nhưng bị mất, hỏng, hoặc có sự thay đổi, bổ sung thông tin trên giấy chứng nhận).		X
15.	Cấp Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm cho chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh đối với cơ sở giết mổ tập trung, cơ sở sản xuất ban đầu thực phẩm có nguồn gốc động vật trên cạn.		X

## B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN

STT	Tên thủ tục hành chính	Quy trình	
		Nội bộ	Điện tử
<b>1</b>	<b>Danh mục thủ tục hành chính ban hành mới</b>		
	<b>Lĩnh vực Lâm nghiệp</b>		
1.	Xác nhận nguồn gốc gỗ trước khi xuất khẩu		X
<b>2</b>	<b>Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ</b>		
	<b>Lĩnh vực Phát triển nông thôn</b>		
1.	Cấp giấy chứng nhận kinh tế trang trại		X
2.	Cấp đổi giấy chứng nhận kinh tế trang trại		X
3.	Cấp lại Giấy chứng nhận kinh tế trang trại		X

## C. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

STT	Tên thủ tục hành chính	Quy trình	
		Nội bộ	Điện tử
	<b>Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành</b>		
	<b>Lĩnh vực Trồng trọt</b>		
1.	Chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa		X

**Phần II**  
**QUY TRÌNH ĐIỆN TỬ THỰC HIỆN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

**A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH**

**1. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành**

**I. Lĩnh vực chăn nuôi**

**1. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi thương mại, thức ăn chăn nuôi theo đặt hàng**

*1.1. Đối với cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi hỗn hợp, thức ăn chăn nuôi đậm đặc.*

a. Thời hạn giải quyết: 28 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ.

b. Lưu đồ giải quyết:

Nội dung công việc		Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết (28 ngày)
Tiếp nhận hồ sơ của Tổ chức/cá nhân; chuyển hồ sơ về Văn phòng Sở	→	Quầy tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Hành chính công tỉnh	0,5
Nhận và chuyển hồ sơ cho đơn vị xử lý	→	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Văn phòng sở Nông nghiệp và PTNT	0,5
Nhận hồ sơ và chuyển phòng chuyên môn xử lý	→	Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thú y	0,5
Thẩm định, giải quyết hồ sơ <i>(Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể)</i>	→	Phòng Chăn nuôi - Chi cục Chăn nuôi và Thú y	23
Ký và chuyển hồ sơ cho Lãnh đạo Sở	→	Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thú y	0,5
Ký duyệt và chuyển hồ sơ cho Văn phòng Sở	→	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và PTNT	02
Nhận kết quả và chuyển cho Trung tâm Hành chính công	→	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Văn phòng sở Nông nghiệp và PTNT	0,5
Nhận và trả kết quả cho tổ chức/cá nhân	→	Quầy tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Hành chính công tỉnh	0,5

**1.2. Đối với cơ sở sản xuất (sản xuất, sơ chế, chế biến) thức ăn chăn nuôi truyền thống nhằm mục đích thương mại, theo đặt hàng.**

a. Thời hạn giải quyết: 13 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ.

b. Lưu đồ giải quyết:

Nội dung công việc		Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết (13 ngày)
Tiếp nhận hồ sơ của Tổ chức/cá nhân; chuyển hồ sơ về Văn phòng Sở	→	Quầy tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Hành chính công tỉnh	0,25
Nhận và chuyển hồ sơ cho đơn vị xử lý	→	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Văn phòng sở Nông nghiệp và PTNT	0,25
Nhận hồ sơ và chuyển phòng chuyên môn xử lý	→	Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thú y	0,5
Thẩm định, giải quyết hồ sơ (Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể)	→	Phòng Chăn nuôi - Chi cục Chăn nuôi và Thú y	10
Ký và chuyển hồ sơ cho Lãnh đạo Sở	→	Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thú y	0,5
Ký duyệt và chuyển hồ sơ cho Văn phòng Sở	→	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và PTNT	01
Nhận kết quả và chuyển cho Trung tâm Hành chính công	→	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Văn phòng sở Nông nghiệp và PTNT	0,25
Nhận và trả kết quả cho tổ chức/cá nhân	→	Quầy tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Hành chính công tỉnh	0,25

\* Lưu ý: Trường hợp nước nhập khẩu yêu cầu phải đánh giá điều kiện thực tế để cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi thì sẽ thực hiện theo lưu đồ tại mục 1.1.



**2. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi thương mại, thức ăn chăn nuôi theo đặt hàng.**

a. Thời hạn giải quyết: 08 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ.

b. Lưu đồ giải quyết:

Nội dung công việc		Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết (08 ngày)
Tiếp nhận hồ sơ của Tổ chức/cá nhân; chuyển hồ sơ về Văn phòng Sở	→	Quầy tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Hành chính công tỉnh	0,25
Nhận và chuyển hồ sơ cho đơn vị xử lý	→	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Văn phòng sở Nông nghiệp và PTNT	0,25
Nhận hồ sơ và chuyển phòng chuyên môn xử lý	→	Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thú y	0,5
Thẩm định, giải quyết hồ sơ <i>(Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể)</i>	→	Phòng Chăn nuôi - Chi cục Chăn nuôi và Thú y	5
Ký và chuyển hồ sơ cho Lãnh đạo Sở	→	Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thú y	0,5
Ký duyệt và chuyển hồ sơ cho Văn phòng Sở	→	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và PTNT	01
Nhận kết quả và chuyển cho Trung tâm Hành chính công	→	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Văn phòng sở Nông nghiệp và PTNT	0,25
Nhận và trả kết quả cho tổ chức/cá nhân	→	Quầy tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Hành chính công tỉnh	0,25

### 3. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn

a. Thời hạn giải quyết: 28 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ.

b. Lưu đồ giải quyết:

Nội dung công việc		Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết (28 ngày)
Tiếp nhận hồ sơ của Tổ chức/cá nhân; chuyển hồ sơ về Văn phòng Sở	→	Quầy tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Hành chính công tỉnh	0,5
Nhận và chuyển hồ sơ cho đơn vị xử lý	→	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Văn phòng sở Nông nghiệp và PTNT	0,5
Nhận hồ sơ và chuyển phòng chuyên môn xử lý	→	Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thú y	0,5
Thẩm định, giải quyết hồ sơ (Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể)	→	Phòng Chăn nuôi - Chi cục Chăn nuôi và Thú y	23
Ký và chuyển hồ sơ cho Lãnh đạo Sở	→	Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thú y	0,5
Ký duyệt và chuyển hồ sơ cho Văn phòng Sở	→	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và PTNT	02
Nhận kết quả và chuyển cho Trung tâm Hành chính công	→	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Văn phòng sở Nông nghiệp và PTNT	0,5
Nhận và trả kết quả cho tổ chức/cá nhân	→	Quầy tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Hành chính công tỉnh	0,5

#### 4. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn

a. Thời hạn giải quyết: 08 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ.

b. Lưu đồ giải quyết:

Nội dung công việc		Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết (08 ngày)
Tiếp nhận hồ sơ của Tổ chức/cá nhân; chuyển hồ sơ về Văn phòng Sở	→	Quầy tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Hành chính công tỉnh	0,25
Nhận và chuyển hồ sơ cho đơn vị xử lý	→	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Văn phòng sở Nông nghiệp và PTNT	0,25
Nhận hồ sơ và chuyển phòng chuyên môn xử lý	→	Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thú y	0,5
Thẩm định, giải quyết hồ sơ <i>(Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể)</i>	→	Phòng Chăn nuôi - Chi cục Chăn nuôi và Thú y	5
Ký và chuyển hồ sơ cho Lãnh đạo Sở	→	Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thú y	0,5
Ký duyệt và chuyển hồ sơ cho Văn phòng Sở	→	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và PTNT	01
Nhận kết quả và chuyển cho Trung tâm Hành chính công	→	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Văn phòng sở Nông nghiệp và PTNT	0,25
Nhận và trả kết quả cho tổ chức/cá nhân	→	Quầy tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Hành chính công tỉnh	0,25

## II. Lĩnh vực Bảo vệ thực vật

### 5. Thủ tục xác nhận nội dung quảng cáo phân bón

a. Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ (Sở Nông nghiệp và PTNT)

b. Lưu đồ giải quyết:

Nội dung công việc		Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết (05 ngày)
Tiếp nhận hồ sơ của Tổ chức/cá nhân; chuyển hồ sơ về Văn phòng Sở	→	Quầy tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Hành chính công tỉnh	0,25
Nhận và chuyển hồ sơ cho đơn vị xử lý	→	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Văn phòng sở Nông nghiệp và PTNT	0,25
Nhận hồ sơ và chuyển phòng chuyên môn xử lý	→	Lãnh đạo Chi cục Trồng trọt Bảo vệ thực vật và Thủy lợi	0,25
Thẩm định, giải quyết hồ sơ <i>(Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể)</i>	→	Phòng Trồng trọt và Bảo vệ thực vật - Chi cục Trồng trọt Bảo vệ thực vật và Thủy lợi	3,5
Ký và chuyển hồ sơ cho Văn phòng Sở	→	Lãnh đạo Chi cục Trồng trọt Bảo vệ thực vật và Thủy lợi	0,25
Nhận kết quả và chuyển cho Trung tâm Hành chính công	→	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Văn phòng sở Nông nghiệp và PTNT	0,25
Nhận và trả kết quả cho tổ chức/cá nhân	→	Quầy tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Hành chính công tỉnh	0,25

### III. Lĩnh vực Trồng trọt

6. Cấp quyết định, phục hồi quyết định công nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng, cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm nhân giống bằng phương pháp vô tính.

**Trường hợp 1: Cấp Quyết định công nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng:**

a. Thời hạn giải quyết: 25 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ

b. Lưu đồ giải quyết:

Nội dung công việc		Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết (25 ngày)
Tiếp nhận hồ sơ của Tổ chức/cá nhân; chuyển hồ sơ về Văn phòng Sở	→	Quầy tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Hành chính công tỉnh	0,25
Nhận và chuyển hồ sơ cho đơn vị xử lý	→	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Văn phòng sở Nông nghiệp và PTNT	0,25
Nhận hồ sơ và chuyển phòng chuyên môn xử lý	→	Lãnh đạo Chi cục Trồng trọt Bảo vệ thực vật và Thủy lợi	0,25
Thẩm định, giải quyết hồ sơ <i>(Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể)</i>	→	Phòng Trồng trọt và Bảo vệ thực vật - Chi cục Trồng trọt Bảo vệ thực vật và Thủy lợi	23
Ký và chuyển hồ sơ cho Lãnh đạo Sở	→	Lãnh đạo Chi cục Trồng trọt Bảo vệ thực vật và Thủy lợi	0,25
Ký duyệt và chuyển hồ sơ cho Văn phòng Sở	→	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và PTNT	0,5
Nhận kết quả và chuyển cho Trung tâm Hành chính công	→	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Văn phòng sở Nông nghiệp và PTNT	0,25
Nhận và trả kết quả cho tổ chức/cá nhân	→	Quầy tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Hành chính công tỉnh	0,25

**Trường hợp 2: Phục hồi Quyết định công nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng**

a. Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ

b. Lưu đồ giải quyết:

Nội dung công việc		Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết (5 ngày)
Tiếp nhận hồ sơ của Tổ chức/cá nhân; chuyển hồ sơ về Văn phòng Sở	→	Quầy tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Hành chính công tỉnh	0,25
Nhận và chuyển hồ sơ cho đơn vị xử lý	→	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Văn phòng sở Nông nghiệp và PTNT	0,25
Nhận hồ sơ và chuyển phòng chuyên môn xử lý	→	Lãnh đạo Chi cục Trồng trọt Bảo vệ thực vật và Thủy lợi	0,25
Thẩm định, giải quyết hồ sơ <i>(Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể)</i>	→	Phòng Trồng trọt và Bảo vệ thực vật - Chi cục Trồng trọt Bảo vệ thực vật và Thủy lợi	3
Ký và chuyển hồ sơ cho Lãnh đạo Sở	→	Lãnh đạo Chi cục Trồng trọt Bảo vệ thực vật và Thủy lợi	0,25
Ký duyệt và chuyển hồ sơ cho Văn phòng Sở	→	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và PTNT	0,5
Nhận kết quả và chuyển cho Trung tâm Hành chính công	→	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Văn phòng sở Nông nghiệp và PTNT	0,25
Nhận và trả kết quả cho tổ chức/cá nhân	→	Quầy tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Hành chính công tỉnh	0,25

#### IV. Lĩnh vực Thủy sản

##### 7. Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn từ hai huyện trở lên)

a. Thời hạn giải quyết: Không quá 63 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

b. Lưu đồ giải quyết:

Nội dung công việc		Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết (63 ngày)
Tiếp nhận hồ sơ của Tổ chức/cá nhân; chuyển hồ sơ về Văn phòng Sở	→	Quầy tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Hành chính công tỉnh	0,5
Nhận và chuyển hồ sơ cho đơn vị xử lý	→	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Văn phòng sở Nông nghiệp và PTNT	0,5
Nhận hồ sơ và chuyển phòng chuyên môn xử lý	→	Lãnh đạo Chi cục Thủy sản	0,5
Thẩm định, giải quyết hồ sơ (Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể)	→	Phòng Nghiệp vụ thủy sản - Chi cục Thủy sản	50
Thẩm định, duyệt hồ sơ và trình Lãnh đạo Sở	→	Lãnh đạo Chi cục Thủy sản	0,5
Ký duyệt và Chuyển kết quả giải quyết hồ sơ về Văn phòng Sở	→	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và PTNT	01
Chuyển kết quả giải quyết hồ sơ về UBND tỉnh	→	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Văn phòng sở Nông nghiệp và PTNT	01
UBND tỉnh giải quyết hồ sơ	→	UBND tỉnh (Xin ý kiến thành viên + Văn phòng UBND tỉnh xử lý)	9 (4 + 5)
Nhận kết quả và chuyển cho Trung tâm Hành chính công	→	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Văn phòng sở Nông nghiệp và PTNT	0,5
Nhận và trả kết quả cho tổ chức/cá nhân	→	Quầy tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Hành chính công tỉnh	0,5

**8. Sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn từ hai huyện trở lên)**

**Trường hợp 1: Đối với trường hợp thay đổi tên tổ chức cộng đồng, người đại diện tổ chức cộng đồng, Quy chế hoạt động của tổ chức cộng đồng**

a. Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

b. Lưu đồ giải quyết:

Nội dung công việc		Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết (07 ngày)
Tiếp nhận hồ sơ của Tổ chức/cá nhân; chuyển hồ sơ về Văn phòng Sở	→	Quầy tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Hành chính công tỉnh	0,2
Nhận và chuyển hồ sơ cho đơn vị xử lý	→	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Văn phòng sở Nông nghiệp và PTNT	0,2
Nhận hồ sơ và chuyển phòng chuyên môn xử lý	→	Lãnh đạo Chi cục Thủy sản	0,2
Thẩm định, giải quyết hồ sơ ( <i>Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể</i> )	→	Phòng Nghiệp vụ thủy sản - Chi cục Thủy sản	0,3
Thẩm định, duyệt hồ sơ và trình Lãnh đạo Sở	→	Lãnh đạo Chi cục Thủy sản	0,2
Ký duyệt và Chuyển kết quả giải quyết hồ sơ về Văn phòng Sở	→	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và PTNT	0,2
Chuyển kết quả giải quyết hồ sơ về UBND tỉnh	→	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Văn phòng sở Nông nghiệp và PTNT	0,2
UBND tỉnh giải quyết hồ sơ	→	UBND tỉnh (Xin ý kiến thành viên + Văn phòng UBND tỉnh xử lý)	5 (3 + 2)
Nhận kết quả và chuyển cho Trung tâm Hành chính công	→	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Văn phòng sở Nông nghiệp và PTNT	0,3
Nhận và trả kết quả cho tổ chức/cá nhân	→	Quầy tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Hành chính công tỉnh	0,2



**Trường hợp 2: Đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung vị trí, ranh giới khu vực địa lý được giao; phạm vi quyền được giao; phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản**

a. Thời hạn giải quyết: Không quá 63 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

b. Lưu đồ giải quyết:

Nội dung công việc		Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết (63 ngày)
Tiếp nhận hồ sơ của Tổ chức/cá nhân; chuyển hồ sơ về Văn phòng Sở	→	Quầy tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Hành chính công tỉnh	0,5
Nhận và chuyển hồ sơ cho đơn vị xử lý	→	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Văn phòng sở Nông nghiệp và PTNT	0,5
Nhận hồ sơ và chuyển phòng chuyên môn xử lý	→	Lãnh đạo Chi cục Thủy sản	0,5
Thẩm định, giải quyết hồ sơ <i>(Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể)</i>	→	Phòng Nghiệp vụ thủy sản - Chi cục Thủy sản	50
Thẩm định, duyệt hồ sơ và trình Lãnh đạo Sở	→	Lãnh đạo Chi cục Thủy sản	0,5
Ký duyệt và Chuyển kết quả giải quyết hồ sơ về Văn phòng Sở	→	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và PTNT	01
Chuyển kết quả giải quyết hồ sơ về UBND tỉnh	→	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Văn phòng sở Nông nghiệp và PTNT	01
UBND tỉnh giải quyết hồ sơ	→	UBND tỉnh (Xin ý kiến thành viên + Văn phòng UBND tỉnh xử lý)	9 (4 + 5)
Nhận kết quả và chuyển cho Trung tâm Hành chính công	→	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Văn phòng sở Nông nghiệp và PTNT	0,5
Nhận và trả kết quả cho tổ chức/cá nhân	→	Quầy tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Hành chính công tỉnh	0,5

### 9. Công bố mở cảng cá loại 2

a. Thời hạn giải quyết: Không quá 8 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

b. Lưu đồ giải quyết:

Nội dung công việc		Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết (8 ngày)
Tiếp nhận hồ sơ của Tổ chức/cá nhân; chuyển hồ sơ về Văn phòng Sở	→	Quầy tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Hành chính công tỉnh	0,3
Nhận và chuyển hồ sơ cho đơn vị xử lý	→	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Văn phòng sở Nông nghiệp và PTNT	0,5
Nhận hồ sơ và chuyển phòng chuyên môn xử lý	→	Lãnh đạo Chi cục Thủy sản	0,5
Thẩm định, giải quyết hồ sơ ( <i>Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể</i> )	→	Phòng Nghiệp vụ thủy sản - Chi cục Thủy sản	0,5
Thẩm định, duyệt hồ sơ và trình Lãnh đạo Sở	→	Lãnh đạo Chi cục Thủy sản	0,2
Ký duyệt và Chuyển kết quả giải quyết hồ sơ về Văn phòng Sở	→	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và PTNT	0,2
Chuyển kết quả giải quyết hồ sơ về UBND tỉnh	→	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Văn phòng sở Nông nghiệp và PTNT	0,3
UBND tỉnh giải quyết hồ sơ	→	UBND tỉnh (Xin ý kiến thành viên + Văn phòng UBND tỉnh xử lý)	5 (3 + 2)
Nhận kết quả và chuyển cho Trung tâm Hành chính công	→	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Văn phòng sở Nông nghiệp và PTNT	0,3
Nhận và trả kết quả cho tổ chức/cá nhân	→	Quầy tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Hành chính công tỉnh	0,2

## VI. Lĩnh vực phòng chống thiên tai

### 11. Phê duyệt việc tiếp nhận viện trợ quốc tế khẩn cấp để cứu trợ thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh.

a. Thời hạn giải quyết: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.

b. Lưu đồ giải quyết:

Nội dung công việc		Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết (theo giờ)
Tiếp nhận hồ sơ của Tổ chức/cá nhân; chuyển hồ sơ về Văn phòng Sở	→	Quầy tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Hành chính công tỉnh	1h
Nhận và chuyển hồ sơ cho đơn vị xử lý	→	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Văn phòng sở Nông nghiệp và PTNT	1h
Nhận hồ sơ và chuyển phòng chuyên môn xử lý	→	Lãnh đạo Chi cục Trồng trọt bảo vệ thực vật và Thủy lợi	1h
Thẩm định, giải quyết hồ sơ <i>(Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể)</i>	→	Phòng Thủy lợi và Phòng chống thiên tai	8h
Thẩm định, duyệt hồ sơ và trình Lãnh đạo Sở	→	Lãnh đạo Chi cục Trồng trọt bảo vệ thực vật và Thủy lợi	1h
Ký duyệt và Chuyển kết quả giải quyết hồ sơ về Văn phòng Sở	→	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và PTNT	1h
Chuyển kết quả giải quyết hồ sơ về UBND tỉnh	→	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Văn phòng sở Nông nghiệp và PTNT	1h
UBND tỉnh giải quyết hồ sơ	→	Văn phòng UBND tỉnh	8h
Nhận kết quả và chuyển cho Trung tâm Hành chính công	→	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Văn phòng sở Nông nghiệp và PTNT	1h
Nhận và trả kết quả cho tổ chức/cá nhân	→	Quầy tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Hành chính công tỉnh	1h

**12. Phê duyệt Văn kiện viện trợ quốc tế khẩn cấp để khắc phục hậu quả thiên tai không thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương tiếp nhận của Thủ tướng Chính phủ**

a. Thời hạn giải quyết: 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.

b. Lưu đồ giải quyết:

Nội dung công việc		Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết (theo giờ)
Tiếp nhận hồ sơ của Tổ chức/cá nhân; chuyển hồ sơ về Văn phòng Sở	→	Quầy tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Hành chính công tỉnh	1h
Nhận và chuyển hồ sơ cho đơn vị xử lý	→	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Văn phòng sở Nông nghiệp và PTNT	1h
Nhận hồ sơ và chuyển phòng chuyên môn xử lý	→	Lãnh đạo Chi cục Trồng trọt bảo vệ thực vật và Thủy lợi	1h
Thẩm định, giải quyết hồ sơ <i>(Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể)</i>	→	Phòng Thủy lợi và Phòng chống thiên tai	22h
Thẩm định, duyệt hồ sơ và trình Lãnh đạo Sở	→	Lãnh đạo Chi cục Trồng trọt bảo vệ thực vật và Thủy lợi	2h
Ký duyệt và Chuyển kết quả giải quyết hồ sơ về Văn phòng Sở	→	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và PTNT	2h
Chuyển kết quả giải quyết hồ sơ về UBND tỉnh	→	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Văn phòng sở Nông nghiệp và PTNT	1h
UBND tỉnh giải quyết hồ sơ	→	Văn phòng UBND tỉnh	8h
Nhận kết quả và chuyển cho Trung tâm Hành chính công	→	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Văn phòng sở Nông nghiệp và PTNT	1h
Nhận và trả kết quả cho tổ chức/cá nhân	→	Quầy tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Hành chính công tỉnh	1h

**13. Điều chỉnh Văn kiện viện trợ quốc tế khẩn cấp để khắc phục hậu quả thiên tai không thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương tiếp nhận của Thủ tướng Chính phủ.**

- a. Thời hạn giải quyết: Không quy định.  
b. Lưu đồ giải quyết:

Nội dung công việc		Đơn vị thực hiện
Tiếp nhận hồ sơ của Tổ chức/cá nhân; chuyển hồ sơ về Văn phòng Sở	→	Quầy tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Hành chính công tỉnh
Nhận và chuyển hồ sơ cho đơn vị xử lý	→	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Văn phòng Sở Nông nghiệp và PTNT
Nhận hồ sơ và chuyển phòng chuyên môn xử lý	→	Lãnh đạo Chi cục Trồng trọt bảo vệ thực vật và Thủy lợi
Thẩm định, giải quyết hồ sơ <i>(Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể)</i>	→	Phòng Thủy lợi và Phòng chống thiên tai
Thẩm định, duyệt hồ sơ và trình Lãnh đạo Sở	→	Lãnh đạo Chi cục Trồng trọt bảo vệ thực vật và Thủy lợi
Ký duyệt và Chuyển kết quả giải quyết hồ sơ về Văn phòng Sở	→	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và PTNT
Chuyển kết quả giải quyết hồ sơ về UBND tỉnh	→	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Văn phòng Sở Nông nghiệp và PTNT
UBND tỉnh giải quyết hồ sơ	→	UBND tỉnh
Nhận kết quả và chuyển cho Trung tâm Hành chính công	→	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Văn phòng Sở Nông nghiệp và PTNT
Nhận và trả kết quả cho tổ chức/cá nhân	→	Quầy tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Hành chính công tỉnh

## 2. Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung

### I. Lĩnh vực Bảo vệ thực vật

#### 1. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón

a. Thời hạn giải quyết: 13 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ (Sở Nông nghiệp và PTNT)

b. Lưu đồ giải quyết:

Nội dung công việc		Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết (13 ngày)
Tiếp nhận hồ sơ của Tổ chức/cá nhân; chuyển hồ sơ về Văn phòng Sở	→	Quầy tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Hành chính công tỉnh	0,5
Nhận và chuyển hồ sơ cho đơn vị xử lý	→	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Văn phòng sở Nông nghiệp và PTNT	0,5
Nhận hồ sơ và chuyển phòng chuyên môn xử lý	→	Lãnh đạo Chi cục Trồng trọt Bảo vệ thực vật và Thủy lợi	0,5
Thẩm định, giải quyết hồ sơ ( <i>Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể</i> )	→	Phòng Trồng trọt và Bảo vệ thực vật - Chi cục Trồng trọt Bảo vệ thực vật và Thủy lợi	10
Ký và chuyển hồ sơ cho Văn phòng Sở	→	Lãnh đạo Chi cục Trồng trọt Bảo vệ thực vật và Thủy lợi	0,5
Nhận kết quả và chuyển cho Trung tâm Hành chính công	→	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Văn phòng sở Nông nghiệp và PTNT	0,5
Nhận và trả kết quả cho tổ chức/cá nhân	→	Quầy tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Hành chính công tỉnh	0,5

## 2. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón

### 2.1. Trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón thay đổi về địa điểm buôn bán phân bón

a. Thời hạn giải quyết:

13 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ (Sở Nông nghiệp và PTNT)

b. Lưu đồ giải quyết:

Nội dung công việc		Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết (13 ngày)
Tiếp nhận hồ sơ của Tổ chức/cá nhân; chuyển hồ sơ về Văn phòng Sở	→	Quầy tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Hành chính công tỉnh	0,5
Nhận và chuyển hồ sơ cho đơn vị xử lý	→	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Văn phòng sở Nông nghiệp và PTNT	0,5
Nhận hồ sơ và chuyển phòng chuyên môn xử lý	→	Lãnh đạo Chi cục Trồng trọt Bảo vệ thực vật và Thủy lợi	0,5
Thẩm định, giải quyết hồ sơ <i>(Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể)</i>	→	Phòng Trồng trọt và Bảo vệ thực vật - Chi cục Trồng trọt Bảo vệ thực vật và Thủy lợi	10
Ký và chuyển hồ sơ cho Văn phòng Sở	→	Lãnh đạo Chi cục Trồng trọt Bảo vệ thực vật và Thủy lợi	0,5
Nhận kết quả và chuyển cho Trung tâm Hành chính công	→	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Văn phòng sở Nông nghiệp và PTNT	0,5
Nhận và trả kết quả cho tổ chức/cá nhân	→	Quầy tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Hành chính công tỉnh	0,5

**2.2. Trường hợp hợp cấp lại Giấy chứng nhận bị mất, hư hỏng; thay đổi nội dung thông tin tổ chức, cá nhân ghi trên Giấy chứng nhận**

a. Thời hạn giải quyết:

05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ (Sở Nông nghiệp và PTNT)

b. Lưu đồ giải quyết:

Nội dung công việc		Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết (05 ngày)
Tiếp nhận hồ sơ của Tổ chức/cá nhân; chuyển hồ sơ về Văn phòng Sở	→	Quầy tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Hành chính công tỉnh	0,25
Nhận và chuyển hồ sơ cho đơn vị xử lý	→	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Văn phòng sở Nông nghiệp và PTNT	0,25
Nhận hồ sơ và chuyển phòng chuyên môn xử lý	→	Lãnh đạo Chi cục Trồng trọt Bảo vệ thực vật và Thủy lợi	0,25
Thẩm định, giải quyết hồ sơ ( <i>Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể</i> )	→	Phòng Trồng trọt và Bảo vệ thực vật - Chi cục Trồng trọt Bảo vệ thực vật và Thủy lợi	3,5
Ký và chuyển hồ sơ cho Văn phòng Sở	→	Lãnh đạo Chi cục Trồng trọt Bảo vệ thực vật và Thủy lợi	0,25
Nhận kết quả và chuyển cho Trung tâm Hành chính công	→	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Văn phòng sở Nông nghiệp và PTNT	0,25
Nhận và trả kết quả cho tổ chức/cá nhân	→	Quầy tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Hành chính công tỉnh	0,25



## II. Lĩnh vực Lâm nghiệp

**3. Phê duyệt, điều chỉnh, thiết kế dự toán công trình lâm sinh (đối với công trình lâm sinh thuộc dự án do Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định đầu tư) (Tên cũ: Điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm sinh (đối với công trình lâm sinh thuộc dự án do Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định đầu tư))**

a. Thời hạn giải quyết: 19 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ (Sở Nông nghiệp và PTNT)

b. Lưu đồ giải quyết:

Nội dung công việc		Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết (19 ngày)
Tiếp nhận hồ sơ của Tổ chức/cá nhân; chuyển hồ sơ về Văn phòng Sở	→	Quầy tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Hành chính công tỉnh	0,25
Nhận và chuyển hồ sơ cho đơn vị xử lý	→	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Văn phòng sở Nông nghiệp và PTNT	0,25
Nhận hồ sơ và chuyển phòng chuyên môn xử lý	→	Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm	0,5
Thẩm định, giải quyết hồ sơ (Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể)	→	Phòng Lâm nghiệp và Thanh tra, Pháp chế - Chi cục Kiểm lâm	10
Thẩm định, duyệt hồ sơ và trình Lãnh đạo Sở	→	Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm	0,25
Ký duyệt và Chuyển kết quả giải quyết hồ sơ về Văn phòng Sở	→	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và PTNT	01
Chuyển kết quả giải quyết hồ sơ về UBND tỉnh	→	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Văn phòng sở Nông nghiệp và PTNT	0,25
UBND tỉnh giải quyết hồ sơ	→	UBND tỉnh (Xin ý kiến thành viên + Văn phòng UBND tỉnh xử lý)	6 (4 + 2)
Nhận kết quả và chuyển cho Trung tâm Hành chính công	→	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Văn phòng sở Nông nghiệp và PTNT	0,25
Nhận và trả kết quả cho tổ chức/cá nhân	→	Quầy tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Hành chính công tỉnh	0,25

**4. Thẩm định, phê duyệt phương án trồng rừng thay thế diện tích rừng chuyển sang mục đích khác (Tên cũ: Thẩm định và phê duyệt phương án trồng rừng mới thay thế diện tích rừng chuyển sang sử dụng cho mục đích khác)**

a. Thời hạn giải quyết: 48 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ (Sở Nông nghiệp và PTNT)

b. Lưu đồ giải quyết:

Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết (48 ngày)
Tiếp nhận hồ sơ của Tổ chức/cá nhân; chuyển hồ sơ về Văn phòng Sở	→ Quầy tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Hành chính công tỉnh	0,5
Nhận và chuyển hồ sơ cho đơn vị xử lý	→ Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Văn phòng sở Nông nghiệp và PTNT	0,5
Nhận hồ sơ và chuyển phòng chuyên môn xử lý	→ Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm	01
Thẩm định, giải quyết hồ sơ (Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể)	→ Phòng Lâm nghiệp và Thanh tra, Pháp chế - Chi cục Kiểm lâm	33,5
Thẩm định, duyệt hồ sơ và trình Lãnh đạo Sở	→ Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm	01
Ký duyệt và Chuyển kết quả giải quyết hồ sơ về Văn phòng Sở	→ Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và PTNT	3
Chuyển kết quả giải quyết hồ sơ về UBND tỉnh	→ Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Văn phòng sở Nông nghiệp và PTNT	0,5
UBND tỉnh giải quyết hồ sơ	→ UBND tỉnh (Xin ý kiến thành viên + Văn phòng UBND tỉnh xử lý)	7 (4 + 3)
Nhận kết quả và chuyển cho Trung tâm Hành chính công	→ Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Văn phòng sở Nông nghiệp và PTNT	0,5
Nhận và trả kết quả cho tổ chức/cá nhân	→ Quầy tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Hành chính công tỉnh	0,5

## II. Lĩnh vực Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản

### 5. Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản

a. Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ

b. Lưu đồ giải quyết:

Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết (15 ngày)
Tiếp nhận hồ sơ của Tổ chức/cá nhân; chuyển hồ sơ về Văn phòng Sở	Quầy tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Hành chính công tỉnh	0,5
Nhận và chuyển hồ sơ cho đơn vị xử lý	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Văn phòng sở Nông nghiệp và PTNT	0,5
Nhận hồ sơ và chuyển phòng chuyên môn xử lý	Lãnh đạo các Chi cục: 1. Phát triển nông thôn và QLCLNLSTS; 2. Trồng trọt Bảo vệ thực vật và Thủy lợi; 3. Chăn nuôi và Thú y.	0,5
Thẩm định, giải quyết hồ sơ ( <i>Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể</i> )	Các phòng chuyên môn thuộc các Chi cục : 1. Phòng Quản lý chất lượng - Chi cục Phát triển nông thôn và QLCLNLSTS 2. Phòng Trồng trọt và Bảo vệ thực vật - Chi cục Trồng trọt Bảo vệ thực vật và Thủy lợi 3. Phòng Chăn nuôi - Chi cục Chăn nuôi và Thú y 4. Phòng Kiểm dịch - Chi cục Chăn nuôi và Thú y	12
Ký và chuyển hồ sơ cho Văn phòng Sở	Lãnh đạo các Chi cục: 1. Phát triển nông thôn và QLCLNLSTS; 2. Trồng trọt Bảo vệ thực vật và Thủy lợi; 3. Chăn nuôi và Thú y.	0,5
Nhận kết quả và chuyển cho Trung tâm Hành chính công	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Văn phòng sở Nông nghiệp và PTNT	0,5
Nhận và trả kết quả cho tổ chức/cá nhân	Quầy tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Hành chính công tỉnh	0,5

**6. Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản (trường hợp trước 06 tháng tính đến ngày Giấy chứng nhận ATTP hết hạn)**

- a. Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ  
b. Lưu đồ giải quyết:

Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết (15 ngày)
Tiếp nhận hồ sơ của Tổ chức/cá nhân; chuyển hồ sơ về Văn phòng Sở	→ Quầy tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Hành chính công tỉnh	0,5
Nhận và chuyển hồ sơ cho đơn vị xử lý	→ Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Văn phòng sở Nông nghiệp và PTNT	0,5
Nhận hồ sơ và chuyển phòng chuyên môn xử lý	→ Lãnh đạo các Chi cục: 1. Phát triển nông thôn và QLCLNLSTS; 2. Trồng trọt Bảo vệ thực vật và Thủy lợi; 3. Chăn nuôi và Thú y.	0,5
Thẩm định, giải quyết hồ sơ <i>(Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể)</i>	→ Các phòng chuyên môn thuộc các Chi cục : 1. Phòng Quản lý chất lượng - Chi cục Phát triển nông thôn và QLCLNLSTS 2. Phòng Trồng trọt và Bảo vệ thực vật - Chi cục Trồng trọt Bảo vệ thực vật và Thủy lợi 3. Phòng Chăn nuôi - Chi cục Chăn nuôi và Thú y 4. Phòng Kiểm dịch - Chi cục Chăn nuôi và Thú y	12
Ký và chuyển hồ sơ cho Văn phòng Sở	→ Lãnh đạo các Chi cục: 1. Phát triển nông thôn và QLCLNLSTS; 2. Trồng trọt Bảo vệ thực vật và Thủy lợi; 3. Chăn nuôi và Thú y.	0,5
Nhận kết quả và chuyển cho Trung tâm Hành chính công	→ Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Văn phòng sở Nông nghiệp và PTNT	0,5
Nhận và trả kết quả cho tổ chức/cá nhân	→ Quầy tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Hành chính công tỉnh	0,5

7. Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản (trường hợp Giấy chứng nhận ATTP vẫn còn thời hạn hiệu lực nhưng bị mất, bị hỏng, thất lạc, hoặc có sự thay đổi, bổ sung thông tin trên Giấy chứng nhận ATTP)

a. Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ

b. Lưu đồ giải quyết:

Nội dung công việc		Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết (05 ngày)
Tiếp nhận hồ sơ của Tổ chức/cá nhân; chuyển hồ sơ về Văn phòng Sở	→	Quầy tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Hành chính công tỉnh	0,25
Nhận và chuyển hồ sơ cho đơn vị xử lý	→	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Văn phòng sở Nông nghiệp và PTNT	0,25
Nhận hồ sơ và chuyển phòng chuyên môn xử lý	→	Lãnh đạo các Chi cục: 1. Phát triển nông thôn và QLCLNLSTS; 2. Trồng trọt Bảo vệ thực vật và Thủy lợi; 3. Chăn nuôi và Thú y.	0,5
Thẩm định, giải quyết hồ sơ (Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể)	→	Các phòng chuyên môn thuộc các Chi cục : 1. Phòng Quản lý chất lượng - Chi cục Phát triển nông thôn và QLCLNLSTS 2. Phòng Trồng trọt và Bảo vệ thực vật - Chi cục Trồng trọt Bảo vệ thực vật và Thủy lợi 3. Phòng Chăn nuôi - Chi cục Chăn nuôi và Thú y 4. Phòng Kiểm dịch - Chi cục Chăn nuôi và Thú y	3
Ký và chuyển hồ sơ cho Văn phòng Sở	→	Lãnh đạo các Chi cục: 1. Phát triển nông thôn và QLCLNLSTS; 2. Trồng trọt Bảo vệ thực vật và Thủy lợi; 3. Chăn nuôi và Thú y.	0,5
Nhận kết quả và chuyển cho Trung tâm Hành chính công	→	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Văn phòng sở Nông nghiệp và PTNT	0,25
Nhận và trả kết quả cho tổ chức/cá nhân	→	Quầy tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Hành chính công tỉnh	0,25

## B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN

### 1. Danh mục thủ tục hành chính ban hành mới

#### I. Lĩnh vực Lâm nghiệp

#### 1. Xác nhận nguồn gốc gỗ trước khi xuất khẩu

a. Thời hạn giải quyết: 06 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ

b. Lưu đồ giải quyết:

Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết (6 ngày)
<div style="border: 1px solid black; padding: 5px; margin-bottom: 5px;">Tiếp nhận, hồ sơ của Tổ chức, cá nhân; chuyển trực tuyến hồ sơ cho đơn vị xử lý</div>	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Hạt Kiểm lâm sở tại	0,5
<div style="border: 1px solid black; padding: 5px; margin-bottom: 5px;">Giải quyết hồ sơ (Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong thời hạn 03 ngày thông báo hẳn nợ vẫn hẳn)</div>	Bộ phận quản lý BTTN	2
<div style="border: 1px solid black; padding: 5px; margin-bottom: 5px;">Thẩm định hồ sơ (Trường hợp cần kiểm tra thực tế các điều kiện nuôi, trồng)</div>	Bộ phận quản lý BTTN (Kiểm lâm địa bàn)	3
<div style="border: 1px solid black; padding: 5px;">Chuyển kết quả trực tuyến đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả</div>	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Hạt Kiểm lâm sở tại	0,5

## C. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

### 1. Danh mục thủ tục hành chính ban hành mới

#### I. Lĩnh vực Trồng trọt

#### 1. Chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa

a. Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ

b. Lưu đồ giải quyết:

Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết (05 ngày)
<div style="border: 1px solid black; padding: 5px; text-align: center;">Tiếp nhận hồ sơ của tổ chức, cá nhân</div> <div style="text-align: center;">↓</div>	Bộ phận tiếp nhận & trả kết quả của UBND cấp xã	0,25
<div style="border: 1px solid black; padding: 5px; text-align: center;">Giải quyết hồ sơ</div> <div style="text-align: center;">↓</div>	Bộ phận nghiệp vụ của UBND cấp xã	4
<div style="border: 1px solid black; padding: 5px; text-align: center;">Ký duyệt hồ sơ</div> <div style="text-align: center;">↓</div>	Lãnh đạo UBND cấp xã	0,5
<div style="border: 1px solid black; padding: 5px; text-align: center;">Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân</div>	Bộ phận tiếp nhận & trả kết quả của UBND xã	0,25